

**BẢNG ĐIỂM CHI TIẾT MÔN HỌC - MÔN THI**

**Năm Học** : 2011 - 2012

**Lớp Học** : 34KT2

**Học Kỳ** : 2

**Môn Học** : Kế toán quản trị chi phí

| STT | MÃ SV     | HỌ & TÊN              | HỆ SỐ 1 |   |   |   |   |   | HỆ SỐ 2 |   |   |   |   |   | ĐIỂM THI |    |    | TBM | TKM |     |    | GHI CHÚ |
|-----|-----------|-----------------------|---------|---|---|---|---|---|---------|---|---|---|---|---|----------|----|----|-----|-----|-----|----|---------|
|     |           |                       | 1       | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 1       | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | L1       | L2 | L3 |     | L1  | L2  | L3 |         |
| 1   | 334000001 | Lê Thu Giang          | 0       |   |   |   |   |   | 0       |   |   |   |   |   | 0        | 0  |    | 0.0 | 0.0 | 0.0 |    |         |
| 2   | 344201001 | Đỗ Thị Hiền           | 5       |   |   |   |   |   | 7       |   |   |   |   |   | 2        | 4  |    | 6.3 | 4.2 | 5.2 |    |         |
| 3   | 334000003 | Nguyễn Ngọc Thiên Kim | 5       |   |   |   |   |   | 5       |   |   |   |   |   | 3        | 0  |    | 5.0 | 4.0 | 2.5 |    |         |
| 4   | 344201003 | Phạm Văn Linh         | 6       |   |   |   |   |   | 7       |   |   |   |   |   | 3        | 0  |    | 6.7 | 4.9 | 3.4 |    |         |
| 5   | 344201003 | Hồ Thị Na             | 5       |   |   |   |   |   | 6       |   |   |   |   |   | 4        | 5  |    | 5.7 | 4.9 | 5.4 |    | Học lại |
| 6   | 344201004 | Vũ Thu Phương         | 5       |   |   |   |   |   | 7       |   |   |   |   |   | 2        | 3  |    | 6.3 | 4.2 | 4.7 |    |         |
| 7   | 344201005 | Nguyễn Thị Anh Thư    | 5       |   |   |   |   |   | 6       |   |   |   |   |   | 3        | 5  |    | 5.7 | 4.4 | 5.4 |    | Học lại |
| 8   | 344201006 | Nguyễn Bảo Trung      | 5       |   |   |   |   |   | 8       |   |   |   |   |   | 2        | 4  |    | 7.0 | 4.5 | 5.5 |    |         |

**Tổng số: 8 học sinh - sinh viên**

| Xếp loại | Số lượng | Tỷ lệ % |
|----------|----------|---------|
| Xuất sắc | 0        | 0.00    |
| Giỏi     | 0        | 0.00    |
| Khá      | 0        | 0.00    |

| Xếp loại   | Số lượng | Tỷ lệ % |
|------------|----------|---------|
| Trung bình | 4        | 50.00   |
| Không đạt  | 4        | 50.00   |
| Miễn thi   | 0.00     | 0.00    |

| Xếp loại | Số lượng | Tỷ lệ % |
|----------|----------|---------|
| TB Khá   |          |         |

**Tp. HCM**, ngày .... tháng .... năm .....

**Trưởng Khoa**

**Giáo viên bộ môn**

**Giáo Vụ Khoa**